

Bản án số: 25/2026/HS-ST

Ngày: 12-02-2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11- NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hòe.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Việt Hùng;

Bà Trần Thị Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11- Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 11- Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ứn - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11- Ninh Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 13/2026/TLST-HS ngày 28 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2026/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1987, tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; nơi sinh và nơi cư trú: **Xóm T, xã H, tỉnh Ninh Bình**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; nghề nghiệp: Lao động tự do; Đoàn, Đảng: Không; trình độ học vấn: Lớp 9/12; con ông **Nguyễn Văn K1**, sinh năm 1958 và bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1960; anh chị em ruột có 04 người, bị cáo là con thứ tư; vợ là **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1990 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04-12-2025 đến ngày 26-01-2026 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”.

2. **Cao Văn C**, sinh năm 1986, tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; nơi sinh và nơi cư trú: **Xóm T, xã H, tỉnh Ninh Bình**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; nghề nghiệp: Lao động tự do; Đoàn, Đảng: Không; trình độ học vấn: Lớp 5/12; con ông **Cao Văn H**, sinh năm 1957 và bà **Lê Thị G**, sinh năm 1955; anh chị em ruột có 07 người, bị cáo là con thứ tư; vợ là **Nguyễn Thanh H1**, sinh năm 1982 và 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04-12-2025 đến ngày 13-01-2026 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”.

3. **Trần Văn T1**, sinh năm 1979, tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; nơi sinh và nơi cư trú: **Xóm E, xã H, tỉnh Ninh Bình**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; nghề nghiệp: Lao động tự do; Đoàn, Đảng: Không; trình độ học vấn: Lớp 6/12; con ông **Trần Văn D**, sinh năm 1954 (đã chết) và bà **Nguyễn Thị H2**, sinh năm 1956; anh chị em ruột có 07 người, bị cáo là con thứ hai; vợ là **Trần Thị M**, sinh năm 1985 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 07/6/2021, bị **Công an xã H** xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000đ về hành vi “Đánh bạc”; ngày 18/9/2006, bị Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xử phạt 06 tháng tù về tội “Dâm ô với trẻ em”. Chấp hành xong hình phạt ngày 21/01/2007, đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04-12-2025 đến ngày 13-01-2026 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”.

4. **Lê Văn C1**, sinh năm 1990, tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; nơi sinh và nơi cư trú: **Xóm D, xã H, tỉnh Ninh Bình**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; nghề nghiệp: Lao động tự do; Đoàn, Đảng: Không; trình độ học vấn: Lớp 6/12; con ông **Lê Văn M1**, sinh năm 1964 và bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1970; anh chị em ruột có 03 người, bị cáo là con thứ nhất; vợ là **Vũ Thị T2**, sinh năm 1994 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2016, con nhỏ nhất sinh năm 2024; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 04-12-2025 cho đến nay.

5. **Bùi Văn T3**, sinh năm 1981, tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; nơi sinh và nơi cư trú: **Xóm M, xã H, tỉnh Ninh Bình**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; nghề nghiệp: Lao động tự do; Đoàn, Đảng: Không; trình độ học vấn: Lớp 5/12; con ông **Bùi Văn T4**, sinh năm 1946 và bà **Phạm Thị T5**, sinh năm 1949; anh chị em ruột có 04 người, bị cáo là con thứ ba; vợ là **Nguyễn Thị N1**, sinh năm 1994 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04-12-2025 đến ngày 13-01-2026 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị **Trần Thị M**, sinh năm 1986. Nơi cư trú: **Xóm E, xã H, tỉnh Ninh Bình**.
2. Chị **Nguyễn Thị N1**, sinh năm 1994. Nơi cư trú: **Xóm M, xã H, tỉnh Ninh Bình**.
3. Chị **Vũ Thị T2**, sinh năm 1994. Nơi cư trú: **Xóm D, xã H, tỉnh Ninh Bình**.
4. Chị **Nguyễn Thanh H1**, sinh năm 1982. Nơi cư trú: **Xóm T, xã H, tỉnh Ninh Bình**.

- Người làm chứng:

1. Chị **Mai Thị N2**, sinh năm 1988;
2. Bà **Nguyễn Thị T6**, sinh năm 1968;

3. Chị **Đặng Khánh H3**, sinh năm 2000.

(Có mặt các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; vắng mặt tất cả những người làm chứng).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 08 giờ 08 phút ngày 11/10/2025, **Nguyễn Văn K** sử dụng số thuê bao 0868.828.623 gọi điện thoại rủ **Lê Văn C1**, **Bùi Văn T3**, **Cao Văn C**, **Trần Văn T1** đến nhà **K** ở xóm T, xã H, tỉnh Ninh Bình để đánh bạc bằng hình thức đánh liêng. Lần lượt **Lê Văn C1** điều khiển xe máy điện biển số 18MD-001.73; **Cao Văn C** điều khiển xe mô tô biển số 18H1-52413; **Bùi Văn T3** điều khiển xe đạp điện màu đỏ đen, không biển số và **Trần Văn T1** điều khiển xe mô tô biển số 18H1-70425 đến nhà **K**. Trên đường đến nhà **K**, **C** ghé vào cửa hàng tạp hóa của chị **Mai Thị N2** (xóm E, xã H) mua 02 bộ tứ lơ khơ, mỗi bộ 52 quân (01 bộ màu xanh và 01 bộ màu đỏ) để cả nhóm đánh bạc.

Khi mọi người đến, **K** bảo cả nhóm lên tầng 3 để chơi, **K** lấy 01 chiếc chiếu nhựa hình chữ nhật ở tầng 2 mang lên tầng 3 trải ra nền nhà. Cả nhóm ngồi vòng tròn xung quanh chiếu theo chiều kim đồng hồ lần lượt là **C**- **C1**- **K**- **T** -Thức để đánh bạc. Các bị cáo sử dụng 2 bộ bài để chơi, sau mỗi ván sẽ đổi qua lại giữa 2 bộ bài; người thắng ván trước sẽ chia bài cho ván sau. Mỗi người được chia 03 quân bài; thứ tự từ cao đến thấp là “sáp” (ba quân bài giống nhau), “đồng hoa” (ba quân bài liên tiếp nhau đồng chất), “liêng” (ba quân bài liên tiếp nhau không đồng chất), “đĩ” (ba quân bài có các con bài J, Q và K không phải là sáp hoặc đồng hoa hoặc liêng), cuối cùng là so sánh điểm hàng đơn vị của ba quân bài cộng lại (đối với quân bài J, Q và K tính là 10 điểm, A tính là 1 điểm). Nếu có nhiều hơn một người có “sáp”, “đồng hoa”, “liêng”, “đĩ” thì người có “sáp”, “đồng hoa”, “liêng”, “đĩ” có lá bài cao hơn là người thắng, quy ước thứ tự từ cao đến thấp là A, K, Q, J, 10, 9, 8, 7, 6, 5, 4, 3, 2; nếu lá bài cao nhất bằng nhau thì so sánh chất của lá bài đó theo thứ tự từ cao đến thấp là cơ, rô, tép, bích. Đối với bài so sánh điểm, người có điểm cao hơn là người thắng, quy ước thứ tự từ cao đến thấp là 9,8,7,6,5,4,3,2,1,0; nếu có nhiều hơn một người có cùng số điểm cao nhất thì so sánh chất của lá bài cao nhất theo thứ tự từ cao đến thấp là cơ, rô, tép, bích. Sau khi chia bài xong người chơi có quyền tố (đặt thêm tiền), cao nhất không quá 200.000 đồng. Nếu không ai tham gia tố thì tất cả mở bài ra và so sánh với nhau, ai có bài cao nhất theo quy ước ở trên sẽ thắng và được toàn bộ số tiền mà những người chơi đã đặt cược, nếu có người tham gia tố thì người tiếp theo sẽ tố bằng tiền hoặc cao hơn, nếu không tham gia tố thì bỏ bài và mất số tiền đã đặt cược trước đó. Sau khi không có ai tố cao hơn nữa, những người tham gia tố bằng nhau sẽ so sánh bài với nhau, nếu ai có bài cao hơn theo quy ước ở trên sẽ thắng và được toàn bộ tiền gồm tiền cược ban đầu và tiền tố (đặt cược thêm). Đối với ván bài thắng bằng “sáp” và “đồng hoa”, những người chơi còn lại phải mất thêm cho

người thắng 50.000 đồng (thắng “sáp”) và 30.000 đồng (thắng “đồng hoa”). Mỗi lần người thắng “sáp” phải bỏ ra 100.000 đồng, thắng “đồng hoa” bỏ ra 50.000 đồng để cuối buổi đưa cho **K** để trả tiền nước, thuốc lá và ăn trưa. Cảnh, **C1**, **T3**, **T1**, **K** đánh bạc đến khoảng 11 giờ thì **T1** ra về để đi ăn cỗ đám cưới, **K** cũng nghỉ đi ăn cỗ ở xóm. Còn lại **C1**, **C** và **T3** không đánh bạc nữa mà nằm nghỉ tại tầng 3 chờ **K** và **T1** về để đánh bạc tiếp. Khoảng 13 giờ cùng ngày, **K** và **T1** về thì **C1**, **C**, **T3** và **T1** tiếp tục đánh bạc đến khoảng 17 giờ 20 phút thì nghỉ. Buổi chiều **K** không tham gia chơi mà xuống tầng 1 để làm việc.

Quá trình đánh bạc, các bị cáo đã góp từ các ván thắng “sáp” và “đồng hoa” được tổng số tiền là 300.000 đồng, đưa cho **K** để trả tiền nước, thuốc lá và ăn trưa. Sau khi mọi người nghỉ ra về, **K** lên tầng 3 dọn dẹp, gấp chiếu cất vào góc nhà rồi bỏ 02 bộ tú lơ khơ đã sử dụng để đánh bạc (trong đó có một số lá bài đã bị **K** xé nhỏ ra) cho vào trong túi nilong màu đỏ mang ra **sông M** trước nhà ném xuống sông để tiêu hủy.

Về số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc như sau:

Nguyễn Văn K sử dụng 500.000đ để tham gia đánh bạc. Sau khi bị thua hết số tiền trên, **K** vay **C** 200.000đ để tiếp tục đánh bạc. Đến khi nghỉ chơi, **K** còn lại 120.000đ, **K** thua 580.000đ. Như vậy, số tiền **K** sử dụng để đánh bạc là 700.000đ. Về số tiền 120.000đ còn lại, **K** đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Trần Văn T1 sử dụng 4.000.000đ để tham gia đánh bạc. Đến khi nghỉ chơi, **T1** thua 2.490.000đ, còn lại 1.510.000đ, **T1** đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Cao Văn C sử dụng 4.000.000đ để tham gia đánh bạc. Đến khi nghỉ chơi, **C** thắng được 3.200.000đ. Tổng số tiền Cảnh có được là 7.200.000đ, **C** cho **K** vay 200.000đ để đánh bạc, sử dụng chi tiêu cá nhân hết 4.020.000đ.

Lê Văn C1 sử dụng 3.000.000đ để tham gia đánh bạc. Đến khi nghỉ chơi, **C1** thua 120.000đ, còn lại 2.880.000đ.

Bùi Văn T3 sử dụng 470.000đ để tham gia đánh bạc. Đến khi nghỉ chơi, **T3** thua 310.000đ, còn lại 160.000đ **T3** đã giao nộp cho cơ quan điều tra.

Như vậy, tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 12.170.000đ.

Ngày 17/10/2025, nhận được tin báo của quần chúng nhân dân, **Công an xã H** đã tiến hành triệu tập các đối tượng để làm việc. Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên.

Mở rộng điều tra, Cơ quan điều tra xác định: Ngày 17/10/2025, tại nhà **Cao Văn C** ở xóm T, xã H: **C**, **Nguyễn Văn K**, **Bùi Văn T3**, **Hoàng Minh Ý**, **Vũ Văn Đ**, **Nguyễn Văn Đ1**, **Nguyễn Văn P** cùng tham gia đánh bạc với tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 3.780.000đ, trong đó: Cảnh sử dụng 400.000đ để đánh bạc, thua 200.000đ; **K** sử dụng 500.000đ để đánh bạc, thua 480.000đ; **T3** sử dụng 650.000đ để đánh bạc, thua 500.000đ; **Đ** sử dụng 500.000đ để đánh bạc (thua hết 500.000đ); **Đ1** sử dụng 670.000đ để đánh bạc (thắng 230.000đ); **Ý** sử dụng

480.000đ để đánh bạc (thắng 1.250.000đ); **P** sử dụng 580.000đ để đánh bạc (thắng 200.000đ).

Cơ quan điều tra thu giữ tại bờ kè **sông M** trước nhà **K** 01 lá bài tú lơ khơ màu đỏ chất K tép và 04 mảnh bài tú lơ khơ màu xanh bị xé rách gồm: 01 mảnh bài chất 7 cơ, 01 mảnh bài chất bích, 01 mảnh bài chất cơ và 01 mảnh bài không xác định chất gì. **Nguyễn Văn K** tự nguyện giao nộp: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 8Z 5G, vỏ màu bạc, số IMEI 1: 868062062715934, số IMEI 2: 8680620622715926, lắp sim số thuê bao 0868.828.623 và 0977.509.446; 01 chiếc chiếu nhựa nhiều hoa văn hoạt tiết, kích thước (1,5x2)m và số tiền 640.000đ. **Lê Văn C1** tự nguyện giao nộp: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax, vỏ màu trắng, số IMEI: 358547326756507, lắp sim số thuê bao: 0978.812.373 và 0967.096.016; 01 xe máy điện nhãn hiệu VIET THAI màu đỏ đen, biển số 18MĐ-001.73 và số tiền 2.880.000 đồng. **Cao Văn C** tự nguyện giao nộp: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 13, vỏ màu đen, số IMEI 1: 869542065183403, số IMEI 2: 869542065183411, lắp sim số thuê bao: 0366.939.734; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade màu xanh, biển số 18H1-52413 và số tiền 7.200.000đ. **Bùi Văn T3** tự nguyện giao nộp: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A03 Core, vỏ màu xanh, số IMEI 1: 350165824388588, số IMEI 2: 350393174388582, lắp sim số thuê bao: 0389.101.780; 01 xe đạp điện màu đỏ đen, không có biển số và số tiền 310.000đ. **Trần Văn T1** tự nguyện giao nộp: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu MXMID, vỏ màu đen-trắng, số IMEI 1: 830886090063692, số IMEI 2: 830886090063700, lắp sim số thuê bao: 0967.922.479; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đỏ đen, biển số 18H1-70425 và số tiền 1.510.000đ. Hoàng Minh Ý tự nguyện giao nộp số tiền 1.730.000đ; **Nguyễn Văn Đ1** tự nguyện giao nộp số tiền 900.000đ; **Nguyễn Văn P** tự nguyện giao nộp số tiền 780.000đ.

Cáo trạng số 46/CT-VKS-KV11 ngày 26 tháng 01 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Ninh Bình truy tố các bị cáo **Bùi Văn T3**, **Cao Văn C**, **Nguyễn Văn K**, **Trần Văn T1**, **Lê Văn C1** về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo thành khẩn khai nhận đã thực hiện hành vi như nội dung vụ án đã nêu trên. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị **Trần Thị M**, chị **Nguyễn Thị N1**, chị **Vũ Thị T2**, chị **Nguyễn Thanh H1** đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại phương tiện của gia đình các bị cáo di chuyển đến nhà bị cáo **K** (đã bị tạm giữ trong quá trình điều tra). Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Ninh Bình thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ quan điểm truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật áp dụng như Cáo trạng số 46/CT-VKS-KV11 ngày 26 tháng 01 năm 2026 và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo **Bùi Văn T3**, **Cao Văn C**, **Nguyễn Văn K**, **Trần Văn T1**, **Lê Văn C1** phạm tội “Đánh bạc”:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Nguyễn Văn K**. Đề nghị xử phạt bị cáo 15 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng tù kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 04/12/2025 đến ngày 26/01/2026. Giao bị cáo **K** cho **UBND xã H** giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Cao Văn C**, **Trần Văn T1**. Đề nghị xử phạt bị cáo 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng tù kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 04/12/2025 đến ngày 13/01/2026. Giao bị cáo **C**, **T1** cho **UBND xã H** giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Bùi Văn T3**, **Lê Văn C1**. Đề nghị xử phạt bị cáo 9 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng tù kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị cáo **T3** đã bị tạm giam từ ngày 04/12/2025 đến ngày 13/01/2026. Giao bị cáo **T3**, **C1** cho **UBND xã H** giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Căn cứ khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự: Phạt bổ sung bị cáo **Nguyễn Văn K** số tiền từ 10.000.000đ đến 20.000.000đ; phạt bổ sung các bị cáo **Cao Văn C**, **Trần Văn T1** mỗi bị cáo số tiền từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ.

Tranh luận tại phiên tòa: Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận.

Nói lời sau cùng: Các bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi đúng như nội dung vụ án đã nêu; các bị cáo đều ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt chính và phạt bổ sung mức thấp nhất mà Viện kiểm sát đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an tỉnh N**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Ninh Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa được chứng

minh bằng lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu khác lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Hồi 08 giờ 08 phút ngày 11/10/2025, Nguyễn Văn K gọi điện rủ Lê Văn C1, Bùi Văn T3, Cao Văn C và Trần Văn T1 đánh bạc dưới hình thức đánh liêng, thắng thua bằng tiền. Sau đó, C đi mua 2 bộ bài tứ lơ khơ rồi cùng C1, T3, T1 đến nhà ở của K ở xóm T, xã H, tỉnh Ninh Bình đánh bạc từ khoảng 9 giờ đến 17 giờ 20 phút cùng ngày, tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 12.170.000đ, trong đó: K sử dụng 700.000đ; T1 sử dụng 4.000.000đ; Cảnh sử dụng 4.000.000đ; C1 sử dụng 3.000.000đ; Thức sử dụng 470.000đ để đánh bạc.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Bùi Văn T3, Cao Văn C, Nguyễn Văn K, Trần Văn T1, Lê Văn C1 đã phạm vào tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Ninh Bình đã truy tố các bị cáo ra trước Tòa án nhân dân khu vực 11- Ninh Bình để xét xử với tội danh, điều luật đã viện dẫn là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét vị trí, vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo trong vụ án thì thấy:

Bị cáo Nguyễn Văn K chủ động gọi điện thoại cho các bị cáo khác, cùng các bị cáo khác đánh bạc nên giữ vai trò số 1; bị cáo Cao Văn C chuẩn bị bài tứ lơ khơ, tham gia đánh bạc từ khi bắt đầu đến khi kết thúc nên giữ vai trò số 2; các bị cáo Trần Văn T1, Lê Văn C1, Bùi Văn T3 cùng tham gia đánh bạc nên giữ vai trò số 3 trong vụ án.

Trong vụ án này, các bị cáo Bùi Văn T3, Cao Văn C, Nguyễn Văn K, Lê Văn C1, Trần Văn T1 đều không có tiền án, tiền sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, thật thà ăn năn hối cải. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đã nhận thức được hành vi vi phạm, tự nguyện nộp lại số tiền đánh bạc. Vì vậy, các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Trên cơ sở xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội; vị trí, vai trò của từng bị cáo trong vụ án có đồng phạm; nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo K, C, T1, C1, T3 đồng phạm giản đơn, phạm tội lần đầu, nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, sau khi phạm tội đã ăn năn hối cải. Vì vậy, xét không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà có thể cho các bị cáo được cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình vừa đảm bảo đúng mục đích của hình phạt đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Đề nghị của Viện kiểm sát về việc áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Bùi

Văn T3, Cao Văn C, Nguyễn Văn K, Lê Văn C1, Trần Văn T1 là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi các bị cáo đã thực hiện, cần chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Khoản 3 Điều 321 Bộ Luật Hình sự quy định: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 50.000.000đ. Các bị cáo sử dụng tiền để cá cược, được thua với nhau bằng tiền nên xét cần phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo để các bị cáo lấy đó làm bài học rèn luyện, tu dưỡng bản thân. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định: Các bị cáo T3, C1 đều làm nghề tự do, công việc và thu nhập không ổn định lại đang nuôi các con nhỏ ăn học; gia đình bị cáo T3, C1 đều có hoàn cảnh kinh tế khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận. Riêng bị cáo T3 ở cùng mẹ và em gái, mẹ bị khuyết tật, em gái bị tâm thần. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét không áp dụng phạt bổ sung đối với bị cáo T3, C1 như Viện kiểm sát là phù hợp. Bị cáo K là người khởi xướng, tham gia đánh bạc tại nhà cùng các bị cáo khác nên phải chịu mức phạt bổ sung cao hơn so với các bị cáo T1 và C.

[7] Hành vi đánh bạc ngày 17/10/2025 của Cao Văn C, Nguyễn Văn K, Bùi Văn T3, Hoàng Minh Ý, Nguyễn Văn Đ1, Vũ Văn Đ, Nguyễn Văn P với tổng số tiền đánh bạc là 3.780.000đ không đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” nên Cơ quan điều tra đã chuyển hồ sơ, tài liệu liên quan cho Công an xã H xử lý hành chính là phù hợp.

[8] Về vật chứng:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 8Z 5G vỏ màu bạc, số IMEI 1: 868062062715934, số IMEI 2: 8680620622715926, lắp sim số thuê bao 0868.828.623 và 0977.509.446 và 01 chiếc chiếu nhựa nhiều hoa văn hoạt tiết, kích thước (1,5x2)m tạm giữ của bị cáo Nguyễn Văn K; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax vỏ màu trắng, số IMEI: 358547326756507, lắp sim số thuê bao 0978.812.373 và 0967.096.016 tạm giữ của bị cáo Lê Văn C1; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 13 vỏ màu đen, số IMEI 1: 869542065183403, số IMEI 2: 869542065183411, lắp sim số thuê bao: 0366.939.734 tạm giữ của bị cáo Cao Văn C; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A03 Core vỏ màu xanh, số IMEI 1: 350165824388588, số IMEI 2: 350393174388582, lắp sim số thuê bao: 0389.101.780 tạm giữ của bị cáo Bùi Văn T3; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu MXMID vỏ màu đen-trắng, số IMEI 1: 830886090063692, số IMEI 2: 830886090063700, lắp sim số thuê bao: 0967.922.479 tạm giữ của bị cáo Trần Văn T1. Chiếu nhựa, các điện thoại và sim điện thoại kể trên là công cụ các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm. Vì vậy, tịch thu sung ngân sách Nhà nước các điện thoại, tịch thu tiêu hủy 01 chiếu nhựa và 07 sim điện thoại của các bị cáo.

- Số tiền 12.170.000đ (mười hai triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng) trong đó: 620.000đ (sáu trăm hai mươi nghìn đồng) tạm giữ của bị cáo Nguyễn Văn K; 2.880.000đ (hai triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng) tạm giữ của bị cáo Lê Văn C1; 7.000.000đ (bảy triệu đồng) tạm giữ của bị cáo Cao Văn C; 160.000đ (một

trăm sáu mươi nghìn đồng) tạm giữ của bị cáo **Bùi Văn T3** và 1.510.000đ (một triệu năm trăm mười nghìn đồng) tạm giữ của bị cáo **Trần Văn T1**. Toàn bộ số tiền trên, các bị cáo dùng để thực hiện hành vi đánh bạc và có được từ việc đánh bạc nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- 01 xe máy điện nhãn hiệu VIET THAI màu đỏ đen, biển số 18MĐ7 -001.73 tạm giữ của bị cáo **Lê Văn C1**. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của bị cáo Chung và vợ là chị **Vũ Thị T2**, không liên quan đến hành vi đánh bạc nên cần trả lại cho **bị cáo C2** và chị **T2** sở hữu là phù hợp.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade màu xanh, biển số 18H1-524.13 tạm giữ của bị cáo **Cao Văn C**. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của bị cáo **C** và vợ là chị **Nguyễn Thanh H1**, không liên quan đến hành vi đánh bạc nên cần trả lại cho bị cáo **C** và chị **H1** sở hữu là phù hợp.

- 01 xe đạp điện màu đỏ đen, không có biển số, trên khung xe có dòng chữ TP BIKE tạm giữ của bị cáo **Bùi Văn T3**. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của bị cáo và vợ là chị **Nguyễn Thị N1**, không liên quan đến hành vi đánh bạc nên cần trả lại cho bị cáo **T3** và chị **N1** sở hữu là phù hợp.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đỏ đen, biển số 18H1-704.25 tạm giữ của bị cáo **Trần Văn T1**. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của vợ bị cáo là chị **Trần Thị M**, không liên quan đến hành vi đánh bạc nên cần trả lại cho bị cáo **T1** và chị **M** sở hữu là phù hợp.

- 01 lá bài tú lơ khơ màu đỏ chất K tép và 04 mảnh bài tú lơ khơ màu xanh bị xé rách gồm: 01 mảnh bài chất 7 cơ, 01 mảnh bài chất bích, 01 mảnh bài chất cơ và 01 mảnh bài không xác định chất gì đựng trong túi niêm phong mã số NS3 24101305. Các mảnh bài trong bộ bài tú lơ khơ các bị cáo đã sử dụng làm công cụ đánh bạc còn lại đã hết giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Ngày 17/10/2025, tại nhà **Cao Văn C** ở xóm T, xã H: **C**, **Nguyễn Văn K**, **Bùi Văn T3**, **Hoàng Minh Ý**, **Vũ Văn Đ**, **Nguyễn Văn Đ1**, **Nguyễn Văn P** cùng tham gia đánh bạc với tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 3.780.000đ. Sau khi bị phát hiện, các đối tượng đã tự nguyện giao nộp toàn bộ số tiền trên, cụ thể: **Hoàng Minh Ý** tự nguyện giao nộp 1.730.000đ; **Nguyễn Văn Đ1** tự nguyện giao nộp 900.000đ; **Nguyễn Văn P** tự nguyện giao nộp 780.000đ; **Cao Văn C** tự nguyện giao nộp 200.000đ; **Bùi Văn T3** tự nguyện giao nộp 150.000đ; **Nguyễn Văn K** tự nguyện giao nộp 20.000đ. Hành vi trên không cấu thành tội phạm, số tiền 3.780.000đ mà các đối tượng tự nguyện giao nộp không liên quan đến hành vi bị khởi tố, truy tố, xét xử nên Hội đồng xét xử tách ra, không xử lý đối với số tiền 3.780.000đ.

[10] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Văn K**, **Cao Văn C**, **Trần Văn T1**, **Lê Văn C1**, **Bùi Văn T3** phạm tội “Đánh bạc”.

1.1. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Nguyễn Văn K**: Xử phạt bị cáo 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 04/12/2025 đến ngày 26/01/2026. Phạt bổ sung bị cáo **Nguyễn Văn K** số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng).

1.2. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo **Cao Văn C**, **Trần Văn T1**: Xử phạt mỗi bị cáo 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 04/12/2025 đến ngày 13/01/2026. Phạt bổ sung bị cáo **Cao Văn C**, bị cáo **Trần Văn T1** mỗi bị cáo số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng).

1.3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo **Bùi Văn T3**, **Lê Văn C1**: Xử phạt mỗi bị cáo 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị cáo **T3** đã bị tạm giam từ ngày 04/12/2025 đến ngày 13/01/2026. Không phạt bổ sung đối với bị cáo **T3** và bị cáo **C1**.

Giao các bị cáo **Bùi Văn T3**, **Cao Văn C**, **Nguyễn Văn K**, **Trần Văn T1**, **Lê Văn C1** cho **UBND xã H** giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh” đối với các bị cáo **Bùi Văn T3**, **Cao Văn C**, **Nguyễn Văn K**, **Trần Văn T1** và biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với bị cáo **Lê Văn C1**.

3. Xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

3.1. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:

- Tổng số tiền 12.170.000đ (mười hai triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng), trong đó: 620.000đ (sáu trăm hai mươi nghìn đồng) của bị cáo **Nguyễn Văn K**; 2.880.000đ (hai triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng) của bị cáo **Lê Văn C1**; 7.000.000đ (bảy triệu đồng) của bị cáo **Cao Văn C**; 160.000đ (một trăm sáu mươi

ngàn đồng) của bị cáo **Bùi Văn T3** và 1.510.000đ (một triệu năm trăm mười ngàn đồng) của bị cáo **Trần Văn T1**;

- 05 chiếc điện thoại gồm: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 8Z 5G vỏ màu bạc, số IMEI 1: 868062062715934, số IMEI 2: 8680620622715926 của bị cáo **Nguyễn Văn K**; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax vỏ màu trắng, số IMEI: 358547326756507 của bị cáo **Lê Văn C1**; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 13, vỏ màu đen, số IMEI 1: 869542065183403, số IMEI 2: 869542065183411 của bị cáo **Cao Văn C**; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A03 Core, vỏ màu xanh, số IMEI 1: 350165824388588, số IMEI 2: 350393174388582 của bị cáo **Bùi Văn T3**; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu MXMID, vỏ màu đen-trắng, số IMEI 1: 830886090063692, số IMEI 2: 830886090063700 của bị cáo **Trần Văn T1**

3.2. Tịch thu tiêu hủy:

- Sim số thuê bao 0868.828.623 và 0977.509.446 của bị cáo **Nguyễn Văn K**; sim điện thoại số thuê bao: 0978.812.373 và 0967.096.016 của bị cáo **Lê Văn C1**; sim số thuê bao: 0366.939.734 tạm giữ của bị cáo **Cao Văn C**; sim số thuê bao: 0389.101.780 của bị cáo **Bùi Văn T3**; sim số thuê bao: 0967.922.479 của bị cáo **Trần Văn T1**.

- 01 chiếc chiếu nhựa nhiều màu, nhiều hoa văn hoạ tiết, kích thước (1,5x2)m và 01 túi niêm phong mã số NS3 24101305 bên trong chứa: 01 lá bài tú lơ khơ màu đỏ chất K tép và 04 mảnh bài tú lơ khơ màu xanh bị xé rách gồm: 01 mảnh bài chất 7 cơ, 01 mảnh bài chất bích, 01 mảnh bài chất cơ và 01 mảnh bài không xác định chất gì.

3.3. Trả lại 04 chiếc xe gồm:

- Trả lại 01 xe máy điện nhãn hiệu VIET THAI màu đỏ đen, biển số 18MĐ7-001.73 thu giữ của bị cáo **Lê Văn C1** cho bị cáo **Lê Văn C1** và chị **Vũ Thị T2**;

- Trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade màu xanh, biển số 18H1-524.13 thu giữ của bị cáo **Cao Văn C** cho bị cáo **Cao Văn C** và chị **Nguyễn Thanh H1**;

- Trả lại 01 xe đạp điện màu đỏ đen, không có biển số, trên khung xe có dòng chữ TP BIKE thu giữ của bị cáo **Bùi Văn T3** cho bị cáo **Bùi Văn T3** và chị **Nguyễn Thị N1**;

- Trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đỏ đen, biển số 18H1-704.25 thu giữ của bị cáo **Trần Văn T1** cho bị cáo **Trần Văn T1** và chị **Bùi Thị M2**.

3.4. Tách ra, không xử lý đối với số tiền 3.780.000đ (ba triệu bảy trăm tám mươi ngàn đồng) do Hoàng Minh Ý, **Nguyễn Văn Đ1**, **Nguyễn Văn P**, **Cao Văn C**, **Bùi Văn T3**, **Nguyễn Văn K** tự nguyện giao nộp từ hành vi vi phạm hành chính.

Các vật chứng nêu trên được mô tả trong Biên bản giao nhận vật chứng ngày 12 tháng 02 năm 2026 giữa Công an tỉnh N và Phòng thi hành án dân sự khu vực 11- Ninh Bình và Ủy nhiệm chi ngày 12 tháng 02 năm 2026 của Công an tỉnh N.

4. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a Điều 23 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Bùi Văn T3, Cao Văn C, Nguyễn Văn K, Trần Văn T1, Lê Văn C1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND + VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 11- Ninh Bình;
- Công an tỉnh Ninh Bình;
- Phòng THADS khu vực 11- Ninh Bình;
- UBND Hải Xuân;
- Các Bị cáo; người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Ngô Thị Hòe